

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 21/5/2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Kim Chung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Dhiều Hmok và ông Bùi Ngọc Khánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Phi Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2024, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1991 – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ thường trú: **Tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**

Nơi ở hiện nay: **Xóm A, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định**

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn N**, sinh năm 1979 – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: **Số B N, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Lê Thị M** trình bày có nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Tấn N** sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk** vào ngày 15/6/2009, sau khi kết hôn chị và anh **N** cư trú, sinh sống ổn định tại **số B N, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó chị và anh **N** mâu thuẫn cãi nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm vì những việc nhỏ nhặt. Mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng nên từ tháng 10 năm 2023 đến nay đã sống ly thân. Chị về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn anh **N** vẫn cư trú, sinh sống tại **số B N, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**, cùng hai con chung. Chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **N**

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh **N** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoài N1**, sinh ngày 13/7/2009 và cháu **Nguyễn Tấn H**, sinh ngày 29/9/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cả hai con cho anh **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên. Vì hai con từ nhỏ sinh sống học tập tại địa bàn **thị xã B**, hiện tại hai con đang ở cùng anh **N**, anh **N** có nhà ở ổn định còn chị hiện nay đi làm công nhân phải ở trọ. Mặt khác trước khi nộp đơn ly hôn vợ chồng chị cũng đã thỏa thuận với nhau để anh **N** nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh **N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Chị và anh **N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Nguyễn Tấn N** trình bày có nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **M** sống chung với nhau trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk** vào ngày 15/6/2009. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Chị **M** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị **M**.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoài N1**, sinh ngày 13/7/2009 và cháu **Nguyễn Tấn H**, sinh ngày 29/9/2015. Khi ly hôn anh đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **N1** và cháu **H** cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và Chị **M** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị **M** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án*: Ngày 22/02/2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 29/02/2024, Tòa án Thông báo nộp tạm ứng án phí; cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Ngày 01/3/2024 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **M** và anh **N** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống giữa chị **M** và anh **N** xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày thường xuyên bất đồng quan điểm và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị **M** và anh **N** thì địa phương cung cấp quá trình sống tại địa phương giữa chị **M** và anh **N** có mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân, chị **M** đã đi nơi khác sinh sống.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị **M** và anh **N** đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị **M** ly hôn anh **N** là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoài N1**, sinh ngày 13/7/2009 và cháu **Nguyễn Tấn H**, sinh ngày 29/9/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị **M** và anh **N** đều trình bày ý kiến giao hai con cho anh **N** nuôi, cháu **N1** và cháu **H** đều có nguyện vọng ở với anh **N**, mặt khác Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương cho thấy cháu **N1** và cháu **H** đang sinh sống cùng anh **N** và học tập tại địa bàn **thị xã B**, chị **M** đã đi nơi

khác sinh sống, do đó để đảm bảo quyền lợi ích và phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu **N1** và cháu **H**, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu **N1** và cháu **H** cho anh **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **N1** và cháu **H** cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và công nợ: Chị **M** và anh **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị **M** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn anh **N** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lê Thị M** được ly hôn với anh **Nguyễn Tấn N**

2. **Về con chung:** Giao hai con chung là cháu **Nguyễn Hoài N1**, sinh ngày 13/7/2009 và cháu **Nguyễn Tấn H**, sinh ngày 29/9/2015 cho anh **Nguyễn Tấn N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Chị **Lê Thị M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung:** Chị **M** và anh **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

4. **Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị **M** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001364 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Bị đơn anh **N** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trương Kim Chung**